

Số: /KH-SNNMT

Lạng Sơn, ngày tháng 4 năm 2025

## KẾ HOẠCH

**Về việc kiểm tra quá trình vận hành thử nghiệm công trình  
xử lý chất thải của cơ sở Trung tâm y tế huyện Bắc Sơn  
(bao gồm cả phần xây mới, cải tạo, nâng cấp)**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;*

*Căn cứ Giấy phép môi trường số 03/GP-UBND ngày 14/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn cấp cho cơ sở Trung tâm Y tế huyện Bắc Sơn;*

*Xét Công văn số 1126/SYT-KHTC ngày 15/4/2025 của Sở Y tế về việc thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của TTYT huyện Bắc Sơn (bao gồm cả phần xây mới, cải tạo, nâng cấp);*

Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch kiểm tra quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở Trung tâm y tế huyện Bắc Sơn (bao gồm cả phần xây mới, cải tạo, nâng cấp), như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

#### 1. Mục đích

- Kiểm tra thực tế công trình xử lý chất thải của cơ sở Trung tâm y tế huyện Bắc Sơn (bao gồm cả phần xây mới, cải tạo, nâng cấp) trong quá trình vận hành thử nghiệm (*địa điểm thực hiện dự án: khối phố Nguyễn Thị Minh Khai, thị trấn Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn*).

- Thực hiện lấy, phân tích mẫu chất thải của cơ sở được cấp phép để xem xét, đánh giá nồng độ các chất trong chất thải so sánh với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành.

#### 2. Yêu cầu

Việc giám sát được triển khai đảm bảo khách quan, công khai, kịp thời theo đúng quy định của pháp luật; không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của đơn vị.

## II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

### 1. Số lượng lấy và phân tích mẫu chất thải xả ra môi trường

- Lấy 01 mẫu đơn nước thải trước khi xử lý lấy tại hồ thu nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung (*tần suất lấy mẫu 01 lần của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải tập trung*).

- Lấy 03 mẫu đơn<sup>1</sup> nước thải sau khi xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung (*tần suất lấy mẫu trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải tập trung*).

- Lấy 03 mẫu đơn<sup>2</sup> khí thải của lò đốt chất thải rắn y tế (*tần suất lấy mẫu trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý khí thải*).

### 2. Các thông số quan trắc, phân tích

#### 2.1. Đối với nước thải

| STT | Chất ô nhiễm                        | Đơn vị tính | QCVN 28: 2010/BTNMT<br>(cột B, hệ số K = 1,2) |
|-----|-------------------------------------|-------------|-----------------------------------------------|
| 1   | pH                                  | -           | 6,5-8,5                                       |
| 2   | BOD <sub>5</sub> (20°C)             | mg/l        | 60                                            |
| 3   | COD                                 | mg/l        | 120                                           |
| 4   | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)         | mg/l        | 120                                           |
| 5   | Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S) | mg/l        | 4,8                                           |
| 6   | Amoni (tính theo N)                 | mg/l        | 12                                            |
| 7   | Nitrat (tính theo N)                | mg/l        | 60                                            |
| 8   | Phosphat (tính theo P)              | mg/l        | 12                                            |
| 9   | Dầu mỡ động thực vật                | mg/l        | 24                                            |
| 10  | Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$      | Bq/l        | 0,12                                          |
| 11  | Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$       | Bq/l        | 1,2                                           |
| 12  | Tổng Coliforms                      | MPN/100ml   | 5.000                                         |
| 13  | Salmonella                          | VK/100ml    | KPH                                           |
| 14  | Shigella                            | VK/100ml    | KPH                                           |
| 15  | Vibrio cholerae                     | VK/100ml    | KPH                                           |

#### 2.2. Đối với khí thải

| STT | Chất ô nhiễm        | Đơn vị tính        | QCVN 02:2012/BTNMT<br>(cột B) |
|-----|---------------------|--------------------|-------------------------------|
| 1   | Bụi tổng            | mg/Nm <sup>3</sup> | 115                           |
| 2   | Axit clohydric, HCl | mg/Nm <sup>3</sup> | 50                            |
| 3   | Cacbon monoxyt, CO  | mg/Nm <sup>3</sup> | 200                           |

<sup>1</sup> Trên cơ sở quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

<sup>2</sup> Trên cơ sở quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

|   |                                                         |                       |      |
|---|---------------------------------------------------------|-----------------------|------|
| 4 | Lưu huỳnh dioxyt, SO <sub>2</sub>                       | mg/Nm <sup>3</sup>    | 300  |
| 5 | Nitơ oxyt, NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> ) | mg/Nm <sup>3</sup>    | 300  |
| 6 | Thủy ngân và hợp chất tính theo thủy ngân, Hg           | mg/Nm <sup>3</sup>    | 0,5  |
| 7 | Cadmi và hợp chất tính theo Cadmi, Cd                   | mg/Nm <sup>3</sup>    | 0,16 |
| 8 | Chì và các hợp chất tính theo chì, Pb                   | mg/Nm <sup>3</sup>    | 1,2  |
| 9 | Tổng dioxin/furan, PCDD/PCDF                            | NgTEQ/Nm <sup>3</sup> | 2,3  |

### 3. Thời gian, phương thức triển khai

- Thời gian kiểm tra: xong trước ngày 30 tháng 7 năm 2025 (*trong giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải tập trung; hệ thống xử lý khí thải*).

- Phương thức triển khai: phối hợp đơn vị có chức năng thực hiện việc đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải sau xử lý của cơ sở.

**4. Nguồn kinh phí thực hiện:** nguồn vốn kinh phí sự nghiệp môi trường năm 2025.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**1. Văn phòng Sở:** tham mưu thực hiện các thủ tục hợp đồng, thanh quyết toán các chi phí phục vụ công tác lấy và phân tích mẫu theo quy định; xếp lịch và bố trí phương tiện đi kiểm tra.

**2. Phòng Quản lý môi trường và Khoáng sản:** kiểm tra công trình xử lý chất thải của cơ sở theo nội dung Giấy phép và kế hoạch này; giám sát đơn vị tư vấn lấy mẫu trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án./.

**Nơi nhận:**

- Sở Y tế tỉnh Lạng Sơn;
- UBND huyện Bắc Sơn;
- Lãnh đạo Sở;
- Trung tâm Y tế huyện Bắc Sơn;
- Văn phòng;
- Văn phòng đăng ký đất đai (đăng Website);
- Lưu: VT, MTKS<sub>(DKKhanh)</sub>.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hữu Trục**